

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-12-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tòng
2. Ông Nguyễn Quang Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị
xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại hội trường xét xử TAND thị xã Nghi Sơn
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 209/2020/TLST-
HNGĐ ngày 21/07/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12
tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M - Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn N, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (Trước đây là:
Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa)

- Bị đơn: Anh Lê Đình V - Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Thôn N, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (Trước đây là:
Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa)

Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh V (Anh V vắng mặt lần thứ 2,
không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13/07/2020, bản tự khai ngày 21/07/2020, biên
bản hòa giải ngày 24/07/2020 và ngày 03/09/2020 cũng như tại phiên tòa, chị Lê
Thị M trình bày:

Chị và anh V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 02/8/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh V không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, còn chửi bới, đánh đập chị. Trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, không có tình cảm, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, ngày càng căng thẳng, nặng nề. Tháng 9 năm 2002, do không thể chịu đựng được nên chị đã phải trốn đi nơi khác ở một thời gian, nhưng sau đó quay lại đoàn tụ. Từ tháng 7 năm 2016, vợ chồng hoàn toàn sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, ai lo phận người đó. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh V.

* Tại bản tự khai ngày, bản tự khai ngày 22/07/2020, biên bản hòa giải ngày 24/07/2020 và ngày 03/09/2020, anh Lê Đình V trình bày:

Anh và chị M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 02/8/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên vợ chồng không có tình cảm, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, ngày càng căng thẳng, nặng nề. Từ tháng 7 năm 2016, chị M bỏ nhà đi làm ăn nơi khác và mang theo cháu nhỏ. Cũng từ đó, chị M không còn quan tâm đến anh và cháu lớn. Nhưng nay anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị M nên nguyện vọng của anh là vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con trưởng thành.

2. Về con chung:

* Theo chị M trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là: Lê Đình Ngọc V – Sinh ngày: 18/01/2003; Lê Đình Thái A – Sinh ngày: 14/8/2011. Lâu nay cháu X ở với anh V, cháu A ở với chị. Nguyện vọng của chị là được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, anh V nuôi dưỡng cháu X. Việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của Pháp luật.

* Theo anh V trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là: Lê Đình Ngọc V (Lê Đình V) – Sinh ngày: 18/01/2003; Lê Đình Thái A – Sinh ngày: 14/8/2011. Lâu nay cháu X ở với tôi, cháu A ở với chị M. Tại bản tự khai và phiên hòa giải lần 1 anh V trình bày nếu phải ly hôn thì nguyện vọng của anh là được nuôi dưỡng cháu X, chị M nuôi dưỡng cháu A. Việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của Pháp luật. Nhưng đến phiên hòa giải lần thứ hai anh lại có quan điểm nếu ly hôn, hoặc là chị M nuôi cả hai cháu, hoặc là anh nuôi cả hai cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của Pháp luật.

3. Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX tuyên:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Lê Đình V.

- Về con chung: Giao cháu Lê Đình Ngọc V (Lê Đình V) - Sinh ngày: 18/01/2003 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Lê Đình Thái A - Sinh ngày: 14/8/2011 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không bên nào được cản trở.

- Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Án phí: chị M phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị Lê Thị M có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm của mình theo đơn khởi kiện. Còn anh Lê Đình V vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 2 lần nhưng anh V vẫn không đến phiên tòa; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh V là hôn nhân hợp pháp bởi lẽ anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Ninh và thực hiện đầy đủ thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cả chị M và anh V đều thừa nhận sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra chị M còn cho rằng ngoài nguyên nhân nói trên thì anh V không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, còn chửi bới, đánh đập chị. Trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, không có tình cảm, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, ngày càng căng thẳng, nặng nề. Tháng 9 năm 2002, do không thể chịu đựng được nên chị đã phải trốn đi nơi khác ở một thời gian, nhưng sau đó quay lại đoàn tụ.

Cả chị M và anh V thừa nhận từ tháng 7 năm 2016, chị M đem cháu thứ 2 bỏ đi nơi khác ở, vợ chồng hoàn toàn sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, ai lo phận người đó và hoàn toàn cắt đứt về mặt tình cảm. Nay chị M xác định tình cảm của vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Còn anh V không đồng ý ly hôn vì anh xác định vẫn còn yêu thương chị M nên nguyện vọng của anh là vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi con chung trưởng thành.

Xét nguyện vọng của các đương sự HĐXX thấy rằng: Chị M và anh V mỗi người đều có nguyện vọng riêng của mình và trái ngược quan điểm với nhau. Nhưng cả hai đều thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng và cách giải quyết mâu thuẫn đó trong thời gian qua, nhưng vẫn không có kết quả gì. Quá trình giải quyết Tòa án đã kiên trì hòa giải và cũng đã giành thời gian để vợ chồng có điều kiện hành gần, nhưng cho đến trước phiên tòa hôm nay theo chị M thì vợ chồng mỗi người một nơi, vẫn không nói chuyện được với nhau. Hiện tại chị đã đem cháu Lê Đình Thái A đi nơi khác sinh sống (không cho anh V và gia đình biết địa chỉ cụ thể vì chị sợ anh V gây khó khăn, quấy phá cuộc sống của mẹ con chị). Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng đã gay gắt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Nên chị M có nguyện vọng xin được ly hôn với anh V là chính đáng. Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là: Lê Đình Ngọc V (Lê Đình V) – Sinh ngày: 18/01/2003; Lê Đình Thái A – Sinh ngày: 14/8/2011.

Xét nguyện vọng nuôi con của các đương sự, HĐXX thấy rằng: Do các bên đương sự không thoả thuận được việc nuôi con, do đó khi giao con cho ai nuôi cần xem xét nguyện vọng của các đương sự, nhưng phải phù hợp pháp luật, nguyện vọng của các con và nhằm đảm bảo, ổn định cuộc sống cho con. Thực tế cháu Lê Đình Ngọc V đang học lớp 11C9 trường THPT Tỉnh Gia 2 và đang sống với bố, ông bà nội ở thôn N, phường H. Tại bản tự khai cháu trình bày nguyện vọng được tiếp tục ở với bố, ông bà nội. Còn cháu Lê Đình Thái A đang ở với chị M, bản tự khai cháu A cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ.

Tại các biên bản xác minh ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn: Ông Lê Văn Đ - Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn N và bà Đậu thị H (là mẹ đẻ anh V) thì cuộc sống chung của anh V và chị M thường xuyên xảy ra mâu

thuần, sau khi chị M sinh con thứ hai thì mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng hơn, chị M bỏ vào Nam là ăn sinh sống, hiện nay chị M không có mặt ở nhà, không làm ăn sinh sống tại địa phương. Hiện tại cháu X đang ở với bố và ông, bà nội ở thôn N, phường H. Còn cháu Thái An đang ở với chị M ở đâu thì ông Đ và bà H đều không biết rõ địa chỉ. Quan điểm của ông Đ và bà H đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét về điều kiện thực tế cháu X đang ở với anh V, cháu A đang ở với chị M. Cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu hiện tại ổn định nên không vi phạm quyền về nghĩa vụ của cha mẹ quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình: "...chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội". Quá trình giải quyết vụ án cháu X có nguyện vọng ở với bố, cháu A có nguyện vọng ở với mẹ (khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình). Do đó nay để đảm bảo về mọi mặt cho các cháu nghĩ cần giao cháu X cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không bên nào được cản trở.

[4] Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, chị M phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị M, cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Lê Đình V.

- **Về con chung:** Chị M và anh V thống nhất có 02 con chung là:

Lê Đình Ngọc V – Sinh ngày: 18/01/2003

Lê Đình Thái A – Sinh ngày: 14/8/2011.

Nay ly hôn giao cháu X cho anh V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu A cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không bên nào được cản trở.

- **Án phí:** Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004876 ngày 21/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Nghi Sơn. Chị M đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị M, vắng mặt anh V tại phiên tòa. Tuyên bố chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND phường H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND phường H (Số 36/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tòng Nguyễn Quang Học

Lê Thị Hạnh